

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 607/2024/DS-PT

Ngày: 12 - 12 - 2024

V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi,
Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*
Ông **Võ Trung Hiếu**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi; Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 519/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Kim K**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Anh **Đỗ Văn C**, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Số C đường H, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2024).

Địa chỉ liên hệ: Số A N, phường A, TP ., tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Duy K1**, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K1: Ông **Nguyễn Đức D**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số D, đường N, ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2023).

- *Người làm chứng:*

1. Hồ Thị L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bùi Thị Thúy L1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Huỳnh Thị Mỹ D1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Văn Thị N, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Đặng Thùy T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Người kháng cáo:*** Bị đơn anh Nguyễn Duy K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Kim K có người đại diện theo ủy quyền là anh Đỗ Văn C trình bày:

Bà K là đầu thảo tổ chức các dây hội tại địa phương, anh Nguyễn Duy K1 là hội viên có tham gia nhiều dây hội do bà K làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Đối với hội khai định kỳ 02 tháng/1 kỳ:

1/ Cùng ngày 20/4/2020 âm lịch (tháng 4 nhuận), bà K có tổ chức 02 dây hội loại 5.000.000 đồng/02 tháng, hội định kỳ 02 tháng khai một lần, mỗi dây hội gồm 26 phần với danh sách hội viên giống nhau, hội mần ngày 20/5/2024 âm lịch. Trong dây hội này anh K1 tham gia 09 phần trên tổng hai dây hội. Anh K1 đã hốt hết 09 phần hội, tuy nhiên anh K1 chỉ thừa nhận bản thân tham gia 08 phần, có xác nhận hội chết 08 phần còn 01 phần hội chết anh K1 đã hốt nhưng

không thừa nhận và cho rằng chị T2 nào đó tham gia chứ không phải hụi của anh. Đối với 08 phần hụi chết anh K1 thừa nhận thì anh K1 đã góp hụi đến tháng 5/2023 âm lịch, nên bà K yêu cầu tính tiền hụi chết từ tháng thứ 7/2023 âm lịch. Đối với 02 dây hụi này đến nay đã mãn nên anh K1 còn nợ bà K là 06 kỳ hụi đã đến hạn với số tiền là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ phần} \times 02 \text{ dây} \times 06 \text{ kỳ} = \mathbf{240.000.000 \text{ đồng}}$.

2/ Ngày 10/7/2020 âm lịch nhằm ngày 28/8/2020 dương lịch, bà K có tổ chức 01 dây hụi loại 5.000.000 đồng/02 tháng, hụi khui định kỳ 02 tháng/1 kỳ, mỗi dây hụi gồm 26 phần, hụi mãn ngày 10/8/2024 âm lịch nhằm ngày 12/9/2024 dương lịch, dây hụi này anh K1 tham gia 09 phần, anh K1 đã hốt hết 09 phần hụi, tuy nhiên anh K1 chỉ thừa nhận bản thân tham gia 08 phần có xác nhận hụi chết 08 phần còn 01 phần chết anh K1 đã hốt nhưng không thừa nhận và cho rằng người tên Nga H nào đó tham gia chứ không phải hụi của anh. Đối với 08 phần hụi chết anh K1 thừa nhận thì anh K1 đã góp hụi đến tháng 6/2023 âm lịch, nên bà K yêu cầu tính tiền hụi chết từ tháng thứ 8/2023 âm lịch. Đối với dây hụi này tính đến ngày 04/7/2024 âm lịch nhằm ngày 07/8/2024 dương lịch thì anh K1 còn nợ bà K 06 kỳ hụi đã đến hạn với số tiền là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ phần} \times 06 \text{ kỳ đến hạn} = \mathbf{240.000.000 \text{ đồng}}$.

Đồng thời còn 01 kỳ hụi chưa đến hạn (hụi mãn ngày 10/8/2024 âm lịch nhằm ngày 12/9/2024 dương lịch) với số tiền là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ phần} \times 01 \text{ kỳ} = \mathbf{40.000.000 \text{ đồng}}$ đến khi mãn hụi.

3/ Ngày 01/02/2021 âm lịch nhằm ngày 13/3/2021 dương lịch, bà K có tổ chức 01 dây hụi loại 5.000.000 đồng/02 tháng, hụi khui định kỳ 02 tháng/1 kỳ, mỗi dây hụi gồm 25 phần, hụi mãn ngày 01/01/2025 âm lịch nhằm ngày 29/01/2025 dương lịch, dây hụi này anh K1 tham gia 03 phần, anh K1 đã hốt hết 03 phần hụi, tuy nhiên anh K1 chỉ thừa nhận bản thân tham gia 02 phần có xác nhận hụi chết 02 phần còn 01 phần chết thì anh K1 đã hốt nhưng không thừa nhận. Đối với 02 phần hụi chết anh K1 thừa nhận thì anh K1 đã góp hụi đến tháng 5/2023 âm lịch, nên bà K yêu cầu tính tiền hụi chết từ tháng thứ 7/2023 âm lịch. Đối với dây hụi này tính đến ngày 04/7/2024 âm lịch nhằm ngày 07/8/2024 dương lịch thì anh K1 còn nợ bà K 07 kỳ hụi đã đến hạn với số tiền là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} \times 07 \text{ kỳ} = \mathbf{70.000.000 \text{ đồng}}$.

Đồng thời còn 03 kỳ hụi chưa đến hạn (hụi mãn ngày 01/01/2025 âm lịch nhằm ngày 29/2/2025 dương lịch) với số tiền là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} \times 03 \text{ kỳ} = \mathbf{30.000.000 \text{ đồng}}$ đến khi mãn hụi.

Đối với hội khai định kỳ 01 tháng/1 kỳ:

4/ Cùng ngày 05/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/01/2022 dương lịch), bà K có tổ chức 02 dây hội loại 5.000.000 đồng/tháng, hội khai định kỳ 01 tháng/1 kỳ, mỗi dây hội gồm 24 phần với danh sách hội viên giống nhau, hội mãn ngày 05/10/2023 âm lịch nhằm ngày 17/11/2023 dương lịch, trong hai dây hội này anh K1 tham gia 08 phần trên tổng hai dây, anh K1 đã hốt hết 08 phần hội, tuy nhiên anh K1 chỉ thừa nhận bản thân tham gia 06 phần có xác nhận hội chết 06 phần còn 02 phần chết thì anh K1 đã hốt nhưng không thừa nhận. Đối với 06 phần hội chết anh K1 thừa nhận anh có góp hội đến tháng 06/2023 âm lịch thì ngưng (nhằm tháng 8/2023 dương lịch). Đối với 02 dây hội này đã mãn vào ngày 17/11/2023 dương lịch, anh K1 còn nợ bà K 04 kỳ hội đã đến hạn với số tiền là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ phần} \times 02 \text{ dây hội} \times 04 \text{ kỳ}) = \mathbf{120.000.000 \text{ đồng}}$.

5/ Cùng ngày 15/10/2021 âm lịch (nhằm ngày 19/11/2021 dương lịch) bà K có tổ chức 02 dây hội loại 5.000.000 đồng/tháng, hội khai định kỳ 01 tháng/1 kỳ, mỗi dây hội gồm 25 phần với danh sách hội viên giống nhau, hội mãn ngày 15/09/2023 âm lịch (nhằm ngày 29/10/2023 dương lịch), trong hai dây hội này anh K1 tham gia 02 phần trên tổng hai dây, anh K1 đã hốt hết 02 phần hội, anh K1 thừa nhận bản thân tham gia 02 phần (01 phần hội/01 dây hội) có xác nhận hội chết 02 phần. Đối với 02 phần hội chết anh K1 thừa nhận anh có góp hội đến tháng 06/2023 âm lịch thì ngưng (nhằm tháng 8/2023 dương lịch). Đối với 02 dây hội này tính đến nay đã mãn hội nên anh K1 còn nợ bà K 03 kỳ hội đã đến hạn với số tiền là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} \times 02 \text{ dây hội} \times 03 \text{ kỳ}) = \mathbf{30.000.000 \text{ đồng}}$.

6/ Cùng ngày 25/3/2022 âm lịch (nhằm ngày 25/4/2022 dương lịch), bà K có tổ chức 02 dây hội loại 5.000.000 đồng/tháng, hội khai định kỳ 01 tháng/1 kỳ, mỗi dây hội gồm 25 phần với danh sách hội viên giống nhau, hội mãn ngày 25/2/2024 âm lịch (nhằm ngày 03/04/2024 dương lịch), trong hai dây hội này anh K1 tham gia 08 phần trên tổng hai dây, anh K1 đã hốt hết 08 phần hội, anh K1 chỉ thừa nhận bản thân tham gia 06 phần (03 phần hội/01 dây hội) có xác nhận hội chết 06 phần. Đối với 06 phần hội chết đã thừa nhận thì anh có góp hội đến tháng 06/2023 âm lịch thì ngưng (nhằm tháng 8/2023 dương lịch). Đối với 02 dây hội này tính đến nay đã mãn hội nên anh K1 còn nợ bà K 08 kỳ hội đã đến hạn với số tiền là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ phần} \times 02 \text{ dây hội} \times 08 \text{ kỳ}) = \mathbf{240.000.000 \text{ đồng}}$.

7/ Cùng ngày 10/10/2022 âm lịch (nhằm ngày 03/11/2022 dương lịch), bà K có tổ chức 01 dây hội loại 5.000.000 đồng/tháng, hội khai định kỳ 01 tháng/1 kỳ, mỗi dây hội gồm 26 phần với danh sách hội viên giống nhau, hội mãn ngày

10/10/2024 âm lịch (nhằm ngày 10/11/2024 dương lịch), trong dây hụi này anh K1 tham gia 03 phần, anh K1 đã hốt hết 03 phần hụi, anh K1 chỉ thừa nhận bản thân tham gia 02 phần có xác nhận hụi chết 02 phần. Đối với 02 phần hụi chết anh K1 thừa nhận anh có góp hụi đến tháng 06/2023 âm lịch thì ngưng (nhằm tháng 8/2023 dương lịch). Đối với dây hụi này tính đến ngày 04/7/2024 âm lịch (nhằm ngày 07/8/2024 dương lịch) thì anh K1 còn nợ lại 12 kỳ hụi đã đến hạn với số tiền là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} \times 12 \text{ kỳ}) = \mathbf{120.000.000 \text{ đồng}}$.

Đồng thời còn 04 kỳ hụi chưa đến hạn (hụi mẫn ngày 10/10/2024 âm lịch nhằm ngày 10/11/2024 dương lịch) với số tiền là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} \times 04 \text{ kỳ}) = \mathbf{40.000.000 \text{ đồng}}$ đến khi mẫn hụi.

8/ Ngày 01/11/2022 âm lịch nhằm ngày 24/11/2022 dương lịch, bà K có tổ chức 01 dây hụi loại 5.000.000 đồng/tháng, hụi khui định kỳ 01 tháng/1 kỳ, mỗi dây hụi gồm 24 phần với danh sách hụi viên giống nhau, hụi mẫn ngày 01/09/2024 âm lịch nhằm ngày 03/10/2024 dương lịch, trong dây hụi này anh K1 tham gia 01 phần, anh K1 đã hốt hết 01 phần hụi, anh K1 thừa nhận bản thân tham gia 01 phần có xác nhận hụi chết 01 phần. Đối với 01 phần hụi chết anh K1 có góp hụi đến tháng 06/2023 âm lịch thì ngưng (nhằm tháng 8/2023 dương lịch). Đối với dây hụi này tính đến ngày 04/7/2024 âm lịch nhằm ngày 07/8/2024 dương lịch) thì anh K1 còn nợ bà K 13 kỳ hụi đã đến hạn với số tiền là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} \times 13 \text{ kỳ}) = \mathbf{65.000.000 \text{ đồng}}$.

Đồng thời còn 02 kỳ hụi chưa đến hạn (hụi mẫn ngày 01/9/2024 âm lịch nhằm ngày 03/10/2024 dương lịch) với số tiền là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} \times 02 \text{ kỳ}) = \mathbf{10.000.000 \text{ đồng}}$.

9/ Ngày 15/11/2021 âm lịch, nhằm ngày 18/12/2021 dương lịch, bà K có tổ chức 02 dây hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, hụi khui định kỳ 01 tháng/1 kỳ, mỗi dây hụi gồm 26 phần với danh sách hụi viên giống nhau, hụi mẫn ngày 15/11/2023 âm lịch (nhằm ngày 27/12/2023 dương lịch), trong dây hụi này anh K1 tham gia 06 phần, anh K1 đã hốt hết 06 phần hụi, anh K1 thừa nhận bản thân tham gia 06 phần (03 phần hụi/01 dây hụi) có xác nhận hụi chết 06 phần. Đối với 06 phần hụi chết anh K1 thừa nhận anh có góp hụi đến tháng 06/2023 âm lịch thì ngưng (nhằm tháng 8/2023 dương lịch). Đối với dây hụi này tính đến nay đã mẫn hụi nên anh K1 còn nợ bà K 05 kỳ hụi đã đến hạn với số tiền là $(2.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ phần} \times 02 \text{ dây hụi} \times 05 \text{ kỳ}) = \mathbf{60.000.000 \text{ đồng}}$.

10/ Cùng ngày 25/5/2022 âm lịch nhằm ngày 23/6/2022 dương lịch bà K có tổ chức 02 dây hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, hụi khui định kỳ 01 tháng/1 kỳ, mỗi dây hụi gồm 26 phần với danh sách hụi viên giống nhau, hụi mẫn ngày

25/5/2024 âm lịch (nhằm ngày 30/6/2024 dương lịch), trong dây hui này anh K1 tham gia 06 phần, anh K1 đã hót hết 06 phần hui, anh K1 thừa nhận bản thân tham gia 06 phần (03 phần hui/01 dây hui) có xác nhận hui chết 06 phần. Đối với 06 phần hui chết anh có góp hui đến tháng 06/2023 âm lịch thì ngưng (nhằm tháng 8/2023 dương lịch). Đối với 02 dây hui này tính đến nay đã mãn hui nên anh K1 còn nợ bà K 11 kỳ hui đã đến hạn với số tiền là $(2.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ phần} \times 02 \text{ dây hui} \times 11 \text{ kỳ}) = \mathbf{132.000.000 \text{ đồng}}$.

11/ Ngày 10/7/2021 âm lịch nhằm ngày 17/08/2022 dương lịch bà K có tổ chức 01 dây hui loại 2.000.000 đồng/tháng, hui khai định kỳ 01 tháng/1 kỳ, mỗi dây hui gồm 32 phần với danh sách hui viên giống nhau, hui mãn ngày 10/01/2024 âm lịch nhằm ngày 19/02/2024 dương lịch, trong dây hui này anh K1 tham gia 03 phần, anh K1 đã hót hết 03 phần hui, anh K1 thừa nhận bản thân tham gia 02 phần có xác nhận hui chết 02 phần. Đối với 02 phần hui chết anh có góp hui đến tháng 06/2023 âm lịch thì ngưng (nhằm tháng 8/2023 dương lịch). Dây hui này tính đến nay đã mãn hui nên anh K1 còn nợ bà K 07 kỳ hui đã đến hạn với số tiền là $(2.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} \times 07 \text{ kỳ}) = \mathbf{28.000.000 \text{ đồng}}$.

Tổng số tiền nợ hui tính đến ngày 07/8/2024 dương lịch (nhằm ngày 04/7/2024 âm lịch) đã đến hạn là **1.345.000.000 đồng** và tổng số tiền nợ hui chưa đến hạn là **120.000.000 đồng**.

Ngoài ra, vào ngày 10/5/2023 anh Nguyễn Duy K1 có vay của bà K số tiền **200.000.000 đồng**, không có thỏa thuận lãi suất và thỏa thuận miệng thời hạn thanh toán khoản tiền này là 30 ngày kể từ ngày vay, tức đến ngày 10/6/2023 phải tất toán. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán thì anh K1 không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà K khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Duy K1 phải trả cho bà K số tiền nợ hui đã đến hạn là **1.345.000.000 đồng**. Tổng số tiền nợ hui chưa đến hạn đối với hui 01 tháng khai 01 lần là 50.000.000 đồng; Tổng số tiền nợ hui chưa đến hạn đối với hui 02 tháng khai 01 lần là 70.000.000 đồng; Số tiền anh K1 mượn là 200.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm. Bà K yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Duy K1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đức D trình bày:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ngày 27/12/2023, ông D xác định anh Nguyễn Duy K1 không có tham gia hui do bà K làm đầu thảo, các xác nhận hui mà bà K nộp

cho Tòa án không phải chữ ký của anh K1. Anh K1 cũng không có vay mượn tiền của bà K, biên nhận ngày 10/5/2023 ắt không phải do anh K1 viết và ký tên nên anh K1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ngày 31/7/2024, ông Nguyễn Đức D xác định anh Nguyễn Duy K1 có thỏa thuận tham gia các dây hụi do bà Trần Thị Kim K làm đầu thảo như nguyên đơn trình bày. Quá trình tham gia hụi, anh K1 có hốt các phần hụi nhưng bà K không có giao tiền hụi cho anh K1 nên anh K1 cũng không đóng hụi chết cho bà K. Vì vậy giữa anh K1 và bà K không có phát sinh giao dịch tiền hụi với nhau. Anh K1 có ký vào 11 tờ giấy xác nhận số phần hụi chết theo yêu cầu của bà K nhưng do bà K không có giao tiền hụi cho anh K1 nên anh K1 không có nợ tiền hụi của bà K. Do đó anh K1 không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với số tiền vay 200.000.000 đồng, anh K1 thừa nhận có viết biên nhận ngày 10/5/2023 ắt nhưng anh K1 mượn tiền của “Chị Gái” chứ không phải mượn của bà “Trần Thị Kim K” và số tiền mượn là 200.000 đồng, không phải 200.000.000 đồng, do anh K1 ghi nhầm dòng chữ trong dấu ngoặc đơn là (Hai trăm triệu chẵn) chứ thực tế con số 200.000 đồng mới đúng số tiền anh K1 mượn của “Chị Gái”. Vì vậy, anh K1 cũng không đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 126, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469, Điều 471, của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 16, Điều 17, Điều 20 và Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường;

- Điều 19 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim K.

1. Buộc anh Nguyễn Duy K1 phải trả cho bà Trần Thị Kim K số tiền hụi chết đã đến hạn 1.345.000.000 đồng; Số tiền vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 16.600.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc anh Nguyễn Duy K1 phải trả cho bà Trần Thị Kim K số tiền hụi chết chưa đến hạn là 120.000.000 đồng, trả trong hạn như sau:

- + Tháng 7/2024 âm lịch trả 10.000.000 đồng;
- + Tháng 8/2024 âm lịch trả 55.000.000 đồng;
- + Tháng 9/2024 âm lịch trả 25.000.000 đồng;
- + Tháng 10/2024 âm lịch trả 10.000.000 đồng;
- + Tháng 11/2024 âm lịch trả 10.000.000 đồng;
- + Tháng 01/2025 âm lịch trả 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị Kim K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Duy K1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/8/2024, bị đơn Nguyễn Duy K1 có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc tuyên hủy bản án sơ thẩm giao cho tòa án nhân dân huyện cai Lậy giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm: về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K1, lời

trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ và phù hợp.

Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Duy K1 được làm trong hạn luật định và phù hợp quy định của pháp luật nên được xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Kim K khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Duy K1 trả số tiền nợ hụi cho bà gồm hụi đã đến hạn số tiền là 1.345.000.000đồng và nợ hụi chưa đến hạn số tiền là 120.000.000đồng; yêu cầu trả số nợ vay là 200.000.000đồng đồng thời yêu cầu tính lãi của số tiền vay từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0,83%/tháng. Ông Nguyễn Đức D người đại diện theo ủy quyền của anh K1 xác định anh K1 có thỏa thuận tham gia các dây hụi do bà K làm đầu thảo như bà K trình bày là đúng. Quá trình tham gia góp hụi anh K1 có hốt các phần hụi nhưng bà K không có giao tiền hụi cho anh K1 nên cũng không đóng hụi chết cho bà K, vì vậy giữa anh K1 và bà K không phát sinh giao dịch tiền hụi với nhau. Anh K1 có ký vào 11 tờ giấy xác nhận số phần hụi chết theo yêu cầu của bà K nhưng bà K không có giao tiền hụi nên anh không nợ tiền hụi của bà K. Đối với số tiền vay 200.000.000đồng, anh K1 thừa nhận có viết biên nhận ngày 10/5/2023 ã nhưng anh K1 mượn tiền của “Chị Gái” chứ không phải mượn tiền của bà “Trần Thị Kim K” và với số tiền là 200.000đồng không phải 200.000.000đồng nhưng do anh K1 ghi nhầm dòng chữ trong dấu ngoặc đơn là (Hai trăm triệu chẵn) thực tế con số 200.000đồng mới đúng số tiền anh K1 mượn của “Chị Gái”. Anh K1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K, anh K1 không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của bà K và ông Nguyễn Đức D người đại diện theo ủy quyền của anh K1 thể hiện: Thời gian từ năm 2020 đến năm 2022 anh Nguyễn Duy K1 có tham gia góp hụi do bà Trần Thị Kim K làm chủ, tổng cộng là 17 dây hụi, cụ thể:

- Hai dây hội khui ngày 20/4/2020 âl, mỗi dây 5.000.000đồng, gồm 26 phần, 02 tháng khui một lần, anh K1 tham gia 08 phần của 02 dây hội này và đã hốt hết 08 phần.

- Dây hội khui ngày 10/7/2020 âl, hội 5.000.000đồng, 02 tháng khui một lần gồm 26 phần, anh K1 tham gia 08 phần.

- Dây hội khui ngày 01/02/2021 âl, hội 5.000.000đồng, 02 tháng khui một lần, gồm 25 phần, anh K1 tham gia 02 phần.

- Hai dây hội khui cùng ngày 05/12/2021 âl, mỗi dây 5.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 24 phần, anh K1 tham gia 06 phần (mỗi dây 03 phần).

- Hai dây hội khui cùng ngày 15/10/2021 âl, mỗi dây 5.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 25 phần, anh K1 tham gia 02 phần.

- Hai dây hội khui cùng ngày 25/3/2022 âl, mỗi dây 5.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 25 phần, anh K1 tham gia 06 phần (mỗi dây 03 phần).

- Dây hội khui ngày 10/10/2022 âl, hội 5.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 26 phần, anh K1 tham gia 02 phần.

- Dây hội khui ngày 01/11/2022 âl, hội 5.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 24 phần, anh K1 tham gia 01 phần.

- Hai dây hội khui cùng ngày 15/11/2021 âl, mỗi dây 2.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 26 phần, anh K1 tham gia 06 phần (mỗi dây 03 phần).

- Hai dây hội khui cùng ngày 25/5/2022 âl, mỗi dây 2.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 26 phần, anh K1 tham gia 06 phần (mỗi dây 03 phần).

- Dây hội khui ngày 10/7/2021 âl, hội 2.000.000đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 32 phần, anh K1 tham gia 02 phần.

[3.1.1] Theo bà K trình bày thì tất cả 17 dây hội trên anh K1 đã hốt hết nhưng sau đó đóng lại hội chết cho bà không đầy đủ và hiện nay anh K1 còn nợ bà số tiền hội đến hạn là 1.345.000.000đồng và tiền hội chưa đến hạn là 120.000.000 đồng. Anh K1 cho rằng khi anh hốt hội bà K không giao tiền hội cho anh nên giữa anh và bà K không phát sinh giao dịch tiền hội với nhau.

[3.1.2] Xét thấy, tuy khi giao tiền hội cho anh K1 bà K không làm biên nhận nhưng theo thỏa thuận khi tham gia góp hội, hội viên sau khi hốt hội thì phải có nghĩa vụ đóng lại hội chết cho đến khi mãn hội, tài liệu thể hiện trong hồ sơ (BL 126 -131) anh K1 viết với nội dung xác nhận số phần hội chết. Như vậy nếu anh K1 tham gia góp hội cùng bà K, các dây hội anh K1 chưa hốt, bà K chưa giao tiền hội cho anh K1 thì không thể xem hội chết, hơn nữa các dây hội này được thực hiện ở các thời điểm khác nhau và diễn ra trong một khoảng thời

gian dài thì không thể có việc anh K1 ký xác nhận hui chết theo yêu cầu của bà K mà không được bà K giao tiền hui. Ngoài lời trình bày của anh K1, anh không có chứng cứ gì để chứng minh, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của anh K1 và nhận định Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh K1 có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền nợ hui đến hạn là 1.345.000.000đồng và tiền hui chưa đến hạn là 120.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp.

[3.2] Đối với số tiền nợ vay 200.000.000đồng, anh K1 thừa nhận giấy viết tay ngày 10/5/2023 có nội dung “K1 có mượn của chị G số tiền 200.000 (Hai trăm triệu chẵn)” (BL 125) là do anh viết nhưng anh cho rằng anh mượn tiền của chị G chứ không phải của bà Trần Thị Kim K, số tiền 200.000đồng không phải 200.000.000đồng, khi viết thành chữ anh đã viết nhầm là “Hai trăm triệu chẵn”. Nhận thấy theo “Đơn xin xác nhận” ngày 19/12/2023 Công an xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã xác nhận bà Trần Thị Kim K còn có tên thường gọi là G. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định chị G trong giấy viết tay ngày 10/5/2023 là và bà Trần Thị Kim K là một người, lời trình bày của anh K1 chỉ là lời khai nại không có cơ sở pháp lý nên không thể chấp nhận. Anh K1 cho rằng anh nhầm lẫn khi viết số tiền thành chữ “Hai trăm triệu chẵn” nhưng anh cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho sự nhầm lẫn của mình. Từ những chứng cứ trên xét thấy lời trình bày của anh K1 là không có căn cứ nên không thể chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền 200.000.000đồng, do bà K và anh K1 không thỏa thuận lãi suất khi vay và cũng chưa thực hiện việc trả lãi, vì vậy án sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi và thời gian tính lãi từ ngày hai bên phát sinh tranh chấp (ngày bà K khởi kiện 13/9/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K1 không thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên kết quả giám định cho thấy chứng cứ nguyên đơn cung cấp là có cơ sở và phù hợp với qui định của pháp luật, vì vậy án sơ thẩm buộc anh K1 phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền 4.600.000đồng là có căn cứ và phù hợp.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K1 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên “H1 lại cho bà Trần Thị Kim K số tiền 34.980.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 0017945 ngày 13/9/2024” là chưa chính xác cần điều chỉnh lại “....ngày 13/9/2023”.

Anh Nguyễn Duy K1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của bà K yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp tạm thời, xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, Điều 463, điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim K.

Buộc anh Nguyễn Duy K1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim K số tiền hội chết đã đến hạn là 1.345.000.000đồng và số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng cùng tiền lãi là 16.600.000đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc anh Nguyễn Duy K1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim K số tiền hội chết chưa đến hạn là 120.000.000đồng, thời gian trả như sau:

- + Tháng 7/2024 âm lịch trả số tiền 10.000.000đồng;
- + Tháng 8/2024 âm lịch trả số tiền 55.000.000đồng;
- + Tháng 9/2024 âm lịch trả số tiền 25.000.000đồng;
- + Tháng 10/2024 âm lịch trả số tiền 10.000.000đồng;
- + Tháng 11/2024 âm lịch trả số tiền 10.000.000đồng;

+ Tháng 01/2025 âm lịch trả số tiền 10.000.000đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị Kim K yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Duy K1 chậm thi hành các khoản tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Buộc anh Nguyễn Duy K1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim K chi phí giám định với số tiền là 4.600.000đồng.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Duy K1 phải chịu 62.448.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, anh K1 đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016766 ngày 12/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

H1 lại cho bà Trần Thị Kim K 34.980.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017945 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (do bà Lê Thụy Cẩm T3 nộp thay bà Trần Thị Kim K).

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 16/2023/QĐ-BPKCTT ngày 13/9/2023, Quyết định số 04/2024/QĐ-BPKCTT ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

